

UBND TỈNH BẮC NINH

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

DANH SÁCH CHI TRẢ KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ NĂM HỌC 2021-2022

THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 10/2021/NQ-HĐND TỈNH

STT	Họ và tên	Lớp	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Thành tiền	Ghi chú
NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG						
1	Vũ Đức Ngọc Anh	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	Khóa 2019-2022
2	Phạm Thị Bích Diệp	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
3	Nguyễn Thị Phương Dung	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
4	Nguyễn Trọng Doan	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
5	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
6	Nguyễn Ngô Thu Hiền	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
7	Ngô Thị Thanh Hiếu	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
8	Nguyễn Thị Hòa	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
9	Phạm Minh Hồng	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
10	Nguyễn Thị Thanh Huyền	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
11	Nguyễn Đức Hưng	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
12	Nguyễn Văn Kiên	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
13	Lê Thị Kim Loan	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
14	Dương Đức Lực	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
15	Đỗ Thị Kiều My	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
16	Nguyễn Hồng Nhung	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
17	Nguyễn Đức Phong	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
18	Nguyễn Văn Tài	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
19	Nguyễn Tuấn Thành	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
20	Nguyễn Văn Thành	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
21	Nguyễn Tiến Thiện	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
22	Trần Thị Thơm	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
23	Nguyễn Thị Thu	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
24	Nguyễn Thị Bích Thủy	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
25	Phạm Nam Thương	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
26	Nguyễn Văn Tiến	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
27	Nguyễn Văn Tiệp	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
28	Nguyễn Thị Huyền Trang	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
29	Đặng Thị Tuyết	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
30	Nguyễn Văn Vui	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
31	Nguyễn Anh Vũ	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
32	Diêm Thị Linh	ĐD2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
33	Nguyễn Thị Bích	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	

34	Vũ Minh Cường	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
35	Nguyễn Thị Cường	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
36	Nguyễn Thị Dung	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
37	Đỗ Thị Duyên	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
38	Phạm Thị Hà	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
39	Chu Đình Hân	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
40	Đỗ Thị Hiền	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
41	Ngô Thị Mai Hoa	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
42	Nguyễn Thị Hòa	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
43	Nguyễn Duy Hợi	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
44	Nguyễn Thị Hồng	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
45	Nguyễn Thị Huệ	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
46	Đặng Thị Thu Hương	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
47	Nguyễn Duy Khuyến	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
48	Đào Thị Liên	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
49	Nguyễn Thị Thanh Loan	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
50	Nguyễn Thị Kiều May	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
51	Nguyễn Thị Mùi	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
52	Lê Đăng Nam	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
53	Lê Thị Nga	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
54	Nguyễn Thị Phần	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
55	Phạm Thị Minh Phương	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
56	Cao Văn Quyết	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
57	Phạm Công Thành	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
58	Nguyễn Toàn Thắng	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
59	Nguyễn Thị Thìn	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
60	Lê Thị Thom	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
61	Nguyễn Quang Tiến	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
62	Nguyễn Thị Trang	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
63	Nguyễn Thị Tường	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
64	Nguyễn Thị Bảo Yến	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
65	Nguyễn Thị Lương	ĐD2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
66	Bùi Thị Vân Anh	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
67	Nguyễn Đình Hải	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
68	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
69	Phạm Thanh Hằng	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
70	Bùi Thị Hằng	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
71	Nguyễn Thị Hậu	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
72	Lê Khả Hoàng	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
73	Nguyễn Thanh Hương	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
74	Nguyễn Thị Thanh Lan	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
75	Nguyễn Phương Lệ	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
76	Cao Thị Linh	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
77	Dương Thùy Linh	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
78	Đoàn Thị Hằng Nga	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
79	Trương Đức Nghĩa	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
80	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
81	Nguyễn Ngọc Sâm	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
82	Trương Đại Dương	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	

83	Nguyễn Phương Thảo	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
84	Nguyễn Thị Thắm	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
85	Ngô Thị Thịnh	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
86	Hán Huy Trọng	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
87	Nguyễn Văn Tuấn	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
88	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	ĐD3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
89	Nguyễn Thị Cận	ĐD3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	khóa học 2020-2023
90	Nguyễn Thị Dinh	ĐD3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
91	Nguyễn Thị Phương Anh	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	Khóa học 2021-2024
92	Lương Thị Lan Anh	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
93	Vương Thị Ánh	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
94	Quách Thị Bích	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
95	Trần Văn Dương	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
96	Nguyễn Thị Hằng	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
97	Nguyễn Thị Thanh Hằng	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
98	Vũ Thị Thu Hằng	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
99	Nguyễn Thị Hoa	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
100	Nguyễn Nhân Hòa	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
101	Nguyễn Thị Hòa	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
102	Ngô Thị Hường	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
103	Nguyễn Thuý Hường	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
104	Nguyễn Văn Hường	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
105	Nguyễn Thị Huyền	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
106	Ngô Thị Lam	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
107	Chu Thị Phương Liên	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
108	Đỗ Thị Linh	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
109	Nguyễn Thị Thùy Linh	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
110	Nguyễn Thị Khánh Ly	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
111	Ngô Thị Lý	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
112	Hoàng Thanh Mùi	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
113	Nguyễn Đăng Nghĩa	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
114	Nguyễn Thị Nhân	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
115	Nguyễn Thị Oanh	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
116	Dương Trọng Phương	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
117	Nguyễn Văn Thắng	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
118	Trần Thị Thảo	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
119	Lê Thị Thảo	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
120	Nguyễn Thị Thảo A	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
121	Nguyễn Thị Thảo B	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
122	Nguyễn Bích Thủy	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
123	Nguyễn Thị Tinh	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	

124	Nguyễn Thị Trang A	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
125	Nguyễn Thị Trang B	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
126	Lê Anh Tú	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
127	Nguyễn Thị Uyên	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
128	Nguyễn Thị Cẩm Vân	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
129	Nguyễn Hồng Vinh	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
130	Nguyễn Quang Vinh	ĐD4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
NGÀNH DƯỢC						
132	Nguyễn Văn Anh	CĐ D2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	Khóa 2019-2022
133	Phan Thị Huế	CĐ D2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
134	Nguyễn Thị Lan Hương	CĐ D2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
135	Vũ Thị Thanh Hương	CĐ D2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
147	Ngô Thị Liên	CĐ D2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
148	Cao Thị Thùy Linh	CĐ D2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
149	Nguyễn Thị Ánh Linh	CĐ D2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
150	Nghiêm Thị Ngọc Mai	CĐ D2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
151	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	CĐ D2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
152	Đào Ngọc Quỳnh	CĐ D2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
153	Nguyễn Đồng Tiến	CĐ D2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
154	Đàm Hải Yến	CĐ D2A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
155	Nghiêm Thị Ngọc Ánh	CĐ D2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	Khóa 2019-2022
156	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	CĐ D2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
157	Nguyễn Việt Dũng	CĐ D2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
158	Nguyễn Thị Hà	CĐ D2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
159	Nguyễn Thị Hiền	CĐ D2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
160	Nguyễn Thị Hiền	CĐ D2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
161	Nguyễn Thị Thùy Linh	CĐ D2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
162	Trần Thị Ly	CĐ D2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
163	Nguyễn Thị Lý	CĐ D2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
164	Nguyễn Thị Ngát	CĐ D2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
165	Nguyễn Thị Nhã	CĐ D2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
166	Nguyễn Thị Nhung	CĐ D2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
167	Đàm Thị Phương	CĐ D2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
168	Nguyễn Thị Hiệp	CĐ D2A2	1.140.000	3,5	3.990.000	
169	Trần Thị Giang	CĐ D2A3	1.140.000	8,5	9.690.000	Khóa 2019-2022
170	Mai Thị Hà	CĐ D2A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
171	Nguyễn Thị Hương	CĐ D2A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
172	Trần Thị Hồng Ngát	CĐ D2A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
173	Nguyễn Thị Quỳnh	CĐ D2A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
174	Trần Xuân Sơn	CĐ D2A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
175	Nguyễn Hữu Tuấn	CĐ D2A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
176	Tăng Thị Kim Xuyên	CĐ D2A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
177	Nguyễn Thị Hà Anh	CĐ D3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	Khóa 2020-2023

178	Nguyễn Thị Vân Anh	CĐ D3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
179	Phạm Quang Châu	CĐ D3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
180	Nguyễn Quỳnh Chi	CĐ D3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
181	Nguyễn Tiên Dũng	CĐ D3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
182	Nguyễn Thị Hà	CĐ D3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
183	Nguyễn Thị Hoài	CĐ D3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
184	Nguyễn Thu Huyền	CĐ D3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
185	Đỗ Thị Ngoan	CĐ D3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
186	Nguyễn Thị Hồng Nhung	CĐ D3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
187	Nguyễn Thị Thắm	CĐ D3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
188	Nguyễn Đình Toàn	CĐ D3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
189	Vương Ngọc Đài Trang	CĐ D3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
190	Phan Hải Thủy	CĐ D3A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
191	Nguyễn Thị Ánh	CĐ D3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	Khóa 2020-2023
192	Nguyễn Thị Thanh Hoa	CĐ D3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
193	Nguyễn Thị Huệ	CĐ D3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
194	Nguyễn Thị Hương	CĐ D3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
195	Nguyễn Văn Minh	CĐ D3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
196	Nguyễn Thị Nga	CĐ D3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
197	Nguyễn Hoàng Nguyên	CĐ D3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
198	Nguyễn Thị Nhung	CĐ D3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
199	Phạm Thị Nhung	CĐ D3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
200	Nguyễn Thị Thu	CĐ D3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
201	Phạm Thị Thúy	CĐ D3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
202	Nguyễn Thị Thủy	CĐ D3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
203	Vũ Thị Thủy	CĐ D3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
204	Nguyễn Thị Trang	CĐ D3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
205	Nguyễn Thị Tú	CĐ D3A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
206	Phan Thị Chính	CĐ D3A3	1.140.000	8,5	9.690.000	Khóa 2020-2023
207	Nguyễn Thị Dung	CĐ D3A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
208	Trịnh Thị Hân	CĐ D3A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
209	Nguyễn Tiến Hoạt	CĐ D3A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
210	Nguyễn Thị Hồng	CĐ D3A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
211	Ngô Thị Huệ	CĐ D3A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
212	Đặng Thị Thanh Huyền	CĐ D3A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
218	Nghiêm Thị Lương	CĐ D3A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
219	Vũ Thị Nhã	CĐ D3A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
220	Nguyễn Đức Phương	CĐ D3A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
221	Trần Quang Tồn	CĐ D3A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
222	Nguyễn Bảo Yến	CĐ D3A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
223	Bùi Thị Hoà An	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	Khóa 2021-2024
224	Nguyễn Hải Anh	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
225	Nguyễn Thị Kim Anh	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
226	Phạm Thị Quỳnh Anh	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	

227	Nguyễn Phương Anh B	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
228	Đỗ Thị Chiến	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
229	Nguyễn Hoàng Nhất Cường	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
230	Lê Hoàng Đạo	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
231	Đỗ Thành Đạt	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
232	Nguyễn Thị Dung	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
233	Nguyễn Duy Dương	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
234	Nguyễn Thị Mỹ Giang	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
235	Ngô Thị Thuý Hưng	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
236	Nguyễn Thị Khánh Huyền	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
237	Dương Thị Thuý Hường	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
238	Ngô Thị Hường	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
239	Nguyễn Thị Lê	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
240	Nguyễn Đăng Mạnh	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
241	Bùi Thị Phương	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
242	Nguyễn Thị Ngọc Phương	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
243	Nguyễn Thị Hồng Phượng	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
244	Phạm Thị Quế	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
245	Nguyễn Thị Thi Soan	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
246	Nguyễn Thị Thảo	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
247	Lê Thị Minh Thu	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
248	Nguyễn Thị Thu	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
249	Nguyễn Thị Trang	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
250	Vũ Thị Trang	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
251	Nguyễn Thùy Trang	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
252	Nguyễn Thị Thuý Trang	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
253	Hà Hồng Vân	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
254	Nguyễn Thị Ý	CĐ D4A1	1.140.000	8,5	9.690.000	
255	Nguyễn Thị Bích	CĐ D4A2	1.140.000	8,5	9.690.000	Khóa 2022-2024
256	Nguyễn Thị Hoa	CĐ D4A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
257	Biện Thị Hoa	CĐ D4A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
258	Đinh Thị Hương	CĐ D4A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
259	Nguyễn Thị Huyền	CĐ D4A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
260	Nguyễn Thị Huyền	CĐ D4A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
261	Đoàn Thị Tố Nga	CĐ D4A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
262	Nguyễn Thị Minh Ngọc	CĐ D4A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
263	Lê Thị Phượng	CĐ D4A2	1.140.000	8,5	9.690.000	

264	Nguyễn Thị Tính	CĐ D4A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
265	Nguyễn Thị Thu Trà	CĐ D4A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
266	Nguyễn Thị Thu Trang	CĐ D4A2	1.140.000	8,5	9.690.000	
267	Trần Danh Vương	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
268	Nguyễn Lệ Hằng	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
269	Nguyễn Đức Hạnh	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
270	Ngô Thị Thu Hiền	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
271	Nguyễn Thị Hoa	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
272	Nguyễn Thị Huệ	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
273	Nguyễn Quang Hưng	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
274	Nguyễn Thị Hương	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
275	Nghiêm Thị Hường	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
276	Đào Thị Lan	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
277	Nguyễn Thị Liên	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
278	Nguyễn Văn Long	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
279	Hoàng Thị Luyện	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
280	Nguyễn Thị Mát	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
281	Nguyễn Đình Nghĩa	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
282	Nguyễn Bích Ngọc	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
283	Nguyễn Thị Oanh	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
284	Vũ Thị Oanh	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
285	Nguyễn Thị Phương	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
286	Nguyễn Thị Quy	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
287	Dương Thị Quyên	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
288	Nguyễn Thị Hồng Thanh	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
289	Nguyễn Thị Thanh Thanh	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
290	Nguyễn Đức Thường	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
291	Nguyễn Thị Diệu Thúy	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
292	Đặng Thị Thùy	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
293	Vương Thị Trà	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
294	Bùi Thị Trang	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
295	Nguyễn Văn Tuyền	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
296	Nguyễn Thị Hồng Vân	CĐ D4A3	1.140.000	8,5	9.690.000	
297	Trịnh Thị Diễm	CĐ D4A4	1.140.000	8,5	9.690.000	

298	Nguyễn Thị Thu Hà	CĐ D4A4	1.140.000	8,5	9.690.000	
299	Vũ Ngọc Hòa	CĐ D4A4	1.140.000	8,5	9.690.000	
300	Nguyễn Duy Hùng	CĐ D4A4	1.140.000	8,5	9.690.000	
301	Nguyễn Thị Liên	CĐ D4A4	1.140.000	8,5	9.690.000	
302	Lê Thị Luận	CĐ D4A4	1.140.000	8,5	9.690.000	
303	Nguyễn Thị Nga	CĐ D4A4	1.140.000	8,5	9.690.000	
304	Nguyễn Thị Quý	CĐ D4A4	1.140.000	8,5	9.690.000	
305	Nguyễn Thị Lệ Quyên	CĐ D4A4	1.140.000	8,5	9.690.000	
306	Nguyễn Thị Thắm	CĐ D4A4	1.140.000	8,5	9.690.000	
307	Đỗ Thị Thảo	CĐ D4A4	1.140.000	8,5	9.690.000	
308	Nguyễn Thị Thơm	CĐ D4A4	1.140.000	8,5	9.690.000	
309	Nguyễn Thị Huyền Trang	CĐ D4A4	1.140.000	8,5	9.690.000	
310	Dương Xuân Tuấn	CĐ D4A4	1.140.000	8,5	9.690.000	
311	Nguyễn Thị Yến	CĐ D4A4	1.140.000	8,5	9.690.000	

Người lập biểu

Phòng TC-HTQT-QLSV

Kế toán trưởng

Bắc Ninh, Ngày 10 tháng 10 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

[Signature]

[Signature]

[Signature]



Nguyễn T Hải Yến

Cao Thị Hồng Mây

Ngô Thị Thêu

Nguyễn Thị Dung